

# THƠ THÁI THUẬN - CHÚT NIỀM TRẦN TRỞ GIỮA TẤM LÒNG NGƯỜI LÀM QUAN VÀ TÂM HỒN THI SĨ

■ Võ Lưu Thị Lan Uyên \*

## TÓM TẮT

Nói đến thơ ca nửa sau thế kỷ XV ở nước ta không thể không nhắc đến tập thơ *Lã Đường di cáo* của thi nhân - tiến sĩ Thái Thuận. Người đời sau thường nhắc đến thơ ông với cái tình nồng hậu chân thật, với tinh thần lạc quan yêu đời. Thế nhưng thơ Thái Thuận còn chất chứa những suy tư trần trở của chính ông về trách nhiệm của một vị quan và tiết tháo của nho sĩ. Thơ Thái Thuận luôn có sự dằng dặt giữa ý muốn đem tài năng giúp dân giúp nước và tư tưởng vượt thoát khỏi vòng xoáy danh lợi để trở về với cuộc sống thanh nhàn. Niềm ưu tư ấy xuất phát từ tấm lòng ưu thời mẫn thế và nhân cách cao đẹp của một nhà nho có tấm lòng.

Từ khóa: Thái Thuận, *Lã Đường di cáo*, thơ ca trung đại.

## ABSTRACT

### Poems by Thai Thuan – a concern between mandarin sentiment and poet spirit

*The La Duong posthumous of poet - Dr. Thai Thuan was one of the best poetries in the last half of the fifteenth century Viet Nam poetry. Posterity often say about his verses with truly emotions and optimistic spirit. But Thai Thuan's verses also have meditations and concerns of him about functionary's responsibility and confucian's quality. Poetries of Thai Thuan always have hesitance between his desire to help people by his talent and his desire to escape fame and wealth for back to simple life. This meditation derived from beautiful personalty of patriotic confucian.*

Keywords: Thai Thuan, *La Duong posthumous manuscript*, medieval poetry.

Thái Thuận là một quan nhân dưới triều vua Lê Thánh Tông giai đoạn nửa sau thế kỷ XV. Ông không chỉ được biết đến như một vị quan có tấm lòng yêu nước thương dân mà còn là một thi nhân có tài năng với những vần thơ đẹp lưu truyền hậu thế. Tài liệu về nhà thơ Thái Thuận còn lưu trữ đến nay không nhiều và có phần sơ sài, ít ỏi, phần lớn chỉ là những chi tiết cơ bản nhất về cuộc đời và sự nghiệp của ông. Thái Thuận (hay Sái Thuận) sinh năm 1440, chưa rõ năm ông qua đời, tự là Nghĩa Hòa, hiệu là Lục Khê, biệt hiệu Lữ Đường, người làng Liễu Lâm, huyện Siêu Loại, thừa tuyên Kinh Bắc, nay là xã Song Liễu, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Hiệu Lữ Đường của nhà thơ được lấy từ tên gọi của làng Liễu Lâm quê ông. Thực ra năm sinh của Thái Thuận cũng chưa được tìm thấy một cách chính xác nhất, các nhà

nghiên cứu chỉ căn cứ vào sách sử có ghi lại rằng ông đỗ tiến sĩ năm 35 tuổi (1475, niên hiệu Hồng Đức thứ sáu), theo đó tính ngược mà cho rằng ông sinh năm 1400, cũng có người cho ông sinh năm 1441. Sinh ra trong một gia đình bình dân, cuộc sống Thái Thuận cũng có phần khó khăn vất vả. Có một thời gian ông làm lính dạy voi cho triều đình. Về sau khi đất nước mở rộng khoa cử, ông đã đi học và đỗ “*đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân*” [10,17] khoa Ất Mùi năm 1475 như đã nói. Ông làm quan ở Nội các viện hơn hai mươi năm, sau đó được bổ chức Hàn lâm hiệu lý, kiêm Tham chính Hải Dương. Đương thời Thái Thuận rất yêu thơ và viết cả ngàn bài thơ. Nhưng chủ yếu thơ ông dùng để bộc lộ tâm trạng và thỏa mãn niềm yêu thích của bản thân nên không chú trọng gìn giữ và lưu truyền. Sau khi Thái Thuận mất một thời gian, con trai Thái Khắc và học trò của ông mới

\* Học viên Cao học Trường Đại học KHXH&NV TP. HCM

ra sức tìm kiếm và biên soạn lại thành tập. Ngày nay còn lưu truyền non ba trăm bài thơ của Thái Thuận trong *Lã Đường đi cỏ thi tập*.

Cũng như bất kỳ nhà nho có lý tưởng thời trung đại, Thái Thuận cũng đi theo con đường học hành, thi cử, đỗ đạt và làm quan. Hoạn lộ là con đường duy nhất để những nhà nho như ông có thể đem tài năng ra giúp đời, hoàn thành lý tưởng an dân. Thế nhưng khi bước chân vào chốn quan trường, các nho sĩ ấy lại luôn mơ ước đến cuộc sống an bần thanh sạch và rất nhiều người khó có thể hòa nhập được với những thị phi nơi cung cấm. Chính vì vậy, các nhà nho thường xử sự theo phương châm của Khổng Tử: *dụng chi tắc hành, xả chi tắc tàng*. Khi vua cần thì đem tài ra giúp nước, ngược lại thì cất giấu riêng cho bản thân. Từ đó nho giáo sinh ra hai loại nhà nho: hành đạo và ẩn dật. Nhưng sự phân chia đó đôi khi không thể rạch ròi, trong mỗi nhà nho thường cùng lúc tồn tại hai con người này. Họ nhập thế với tâm trạng lo lắng vì xấu hổ trước sự ảnh hưởng bởi công danh lợi lộc nơi quan lộ. Muốn xuất thế nhưng luôn trăn trở vì chưa cống hiến gì cho nước cho đời. Dù không bộc lộ tâm sự một cách trực tiếp nhưng đọc thơ Thái Thuận người đọc vẫn có thể nhận ra sự trăn trở ấy của ông trong việc chọn lựa giữa hai lối sống: chốn quan trường và đời ẩn dật.

### 1. Vị quan nhân thấu suốt và có tấm lòng

Với tư cách là một vị quan, điều quan trọng nhất là đem tài năng giúp vua chăm lo đời sống nhân dân và những vấn đề to lớn của đất nước. Thái Thuận luôn có một tấm lòng ưu tư, trăn trở đối với cuộc sống của người dân trong những vần thơ trầm lắng:

*Ưu dân diệc hữu Hy Văn niệm*

(Lo âu cho dân cũng có niềm cảm nghĩ của Hy Văn)

(*Tân Minh táo khởi*, dịch nghĩa Bùi Duy Tân - Đào Phương Bình)

Hay:

*Diệc hữu tiên ưu hậu lạc vô*

(Có ai nghĩ đến "lo trước vui sau" không?)

(*Lưu đề Hải Dương giải vũ*, dịch nghĩa Bùi Duy Tân - Đào Phương Bình)

Những câu thơ là tấm lòng chân thật của một vị quan yêu nước thương dân. Thái Thuận luôn muốn học tập Hy Văn để lo trước cái lo của thiên hạ, vua sau niềm vui của thiên hạ. Đối với Thái Thuận, đời sống nhân dân lao động luôn là điều ông quan tâm lo lắng. Ông vui niềm vui của họ khi mưa đến:

*Tứ hải vân nghệ khoan chúng vọng*

*Cửu châu điền dã lạc nông công*

(Bốn bể mây mống, thư thái nổi trông chờ của dân

Chín châu đồng nội vui vẻ công sức nhà nông)

(*Hy vũ*, dịch nghĩa Bùi Duy Tân - Đào Phương Bình)

Lo cái lo của nông dân khi mất mùa đói kém, mong sớm ngày đến kinh đô mà bẩm báo triều đình cùng ra tay giúp sức:

*Thôn vị niên hoang dân thiếu tại*

*Điền nhân vũ sắc thủy đa toan*

(Làng xóm vì mất mùa nên dân ở nhà ít

Ruộng nương bởi mưa hiếm khiến nước nhiều vị chua)

(*Văn chí Chiền Tân cảm thành*, dịch nghĩa Bùi Duy Tân, Đào Phương Bình)

Những câu thơ làm nên bởi những xúc cảm chân thật mà vị quan ấy chứng kiến từ thực tế cuộc sống mà ông tự trải nghiệm. Thái Thuận đi nhiều, quan sát nhiều, những điều ông thấy ông lo lắng hiển hiện trong thơ bằng lời thơ giàu tình cảm. Những hình ảnh cơ cực của con người luôn được ông quan tâm, chú ý. Vì vậy khi chứng kiến đời sống no đủ thái bình của con người, Thái Thuận không khỏi mừng vui:

*Ly lạc thanh yên tán ý la*

*Quất chi giá dẫn bạng nhân gia*

*Thái bình hữu tượng kham ngu mục*

(Từ phen giậu, làn khói xanh tỏa màu gấm vóc

Cảnh quýt mằm mía mọc cạnh nhà người

Cảnh tượng thái bình thật đáng vui con mắt)

(*Thuận An xuân vọng*, dịch nghĩa Bùi Duy Tân, Đào Phương Bình)

Đó là niềm vui của một vị quan tốt trước cảnh thái bình no đủ của đất nước. Phải là người có tấm lòng thật sự thì mới thấy hết được vẻ đẹp đất nước tỏa ra từ gấm vóc trong làn khói, thấy được sự ấm no ở từng cảnh quýt từng mằm mía, ở sự lao động hăng say của con người. Sự quan sát tinh tế, tỉ mỉ của một vị quan chính là minh chứng tốt nhất để khẳng định phẩm chất và đạo đức của một quan viên có trách nhiệm.

## 2. Hồn thi sĩ luôn mơ với thiên nhiên

Thực tế chốn quan trường lúc đương nhiệm Thái Thuận không phải là vị quan nổi danh. Sự giản dị, trầm lắng không đua chen hay a dua xu nịnh khiến ông ít được quần vương để mắt tới. Nhưng không vì vậy mà ông lơ là việc công hay không quan tâm đến dân đến nước. Tấm lòng của vị quan yêu dân và có trách nhiệm thể hiện ngay trong những vần thơ hồn hậu. Cuộc sống của một vị quan ở Viện hàn lâm, được hưởng bổng lộc triều đình, được sống nơi phồn hoa đô hội như Thái Thuận tưởng chừng như là viên mãn, sung túc, dễ chịu. Nhưng trong những lời thơ của mình, ông lại cứ mãi nghĩ, mãi mơ về một cuộc sống an nhàn của một *ấn giả* nơi chốn thanh nhàn:

*Vãng lai tông tích tuyệt hồng trần,*

*Chiếm đoan lâm tuyền tác thập thân.*

*Cảnh hữu sơn xuyên ba thị khách,*

*Môn vô xa mã thảo thường xuân.*

(Dấu vết qua lại đã mờ cùng bụi hồng,

Chiếm lấy suối rừng lập xóm nương thân.

Cảnh có sẵn núi sông, hoa đó là khách,

Ngõ không đón xe ngựa, cỏ thường tươi như mùa xuân.)

(*Ấn giả*, dịch nghĩa Quách Tấn)

Đời sống tách khỏi bụi hồng trần nơi rừng núi thâm sâu mà thi nhân tự chiếm lấy, tự khám phá được thật tuyệt diệu. Không gian không vướng bụi hồng, không dẫu xe ngựa, không bước chân người. Thiên nhiên tươi mới đầy sức sống lúc nào cũng rục rờ như mùa xuân vậy. Một cuộc sống mới mẻ với núi sông hoa cỏ, không ồn ả, không đua chen, chỉ có thi nhân và thiên nhiên. Cuộc sống mà:

*Danh tính bất giao ô trúc bạch*

*Khê sơn hoàn tự hỗn tiêu ngư*

*Thời thời hoa ngoại nhàn phong nguyệt*

(Tên tuổi chẳng làm như bần sử sách

Chốn khe núi vẫn tự lẫn lộn với người kiếm củi đánh cá

Thường nhàn với gió trăng ở ngoài rặng hoa)

(*Đạt nhân*, dịch nghĩa Bùi Duy Tân, Đào Phương Bình)

Một khung cảnh an nhiên tự tại, thoát hẳn khỏi những xô bồ nơi thị thành, con người có thể làm bạn với gió trăng hoa cỏ. Tiếng tăm ở đời nào cần gì ai biết đến, chỉ cần không làm bần sử sách, không để lại tiếng như cho hậu thế thì đã là thông đạt. Bỏ đi quan phục để khoác lên mình bộ quần áo tiêu phu hay của lão ngư cũng chẳng làm phiền lòng thi nhân. Mơ ước thanh bần, đơn giản về một đời sống bình thường cứ trở đi trở lại trong tư tưởng của Thái Thuận. Đó là thời gian được sống thoát khỏi thế tục, không nghĩa vụ, không trách nhiệm, tự do tự tại với một tâm hồn siêu thoát. Ước mơ giản dị ấy của thi nhân cứ ẩn hiện trong từng bài thơ. Thái Thuận yêu sự nhàn tản, vui sống với đạo, thơ ông

theo đó không phải được dựng hình cố ý mà tự động phát ra thành lời, vô vi mà tao nhã.

### 3. Mâu thuẫn giữa niềm riêng và nợ nước

Là một quan nhân có trách nhiệm và có tấm lòng, Thái Thuận luôn dùng hết khả năng của mình để giúp dân giúp nước. Thế nhưng với tâm hồn một thi sĩ, một nhà nho chính trực thì chốn quan trường không phải là một cuộc sống lý tưởng đáng mơ ước mà thi nhân tha thiết. Nho giáo luôn đề cao lý tưởng hành đạo và nhập thế rất tích cực nhưng để đánh giá nhân cách của nhà nho thì thường hướng con người về với thiên nhiên, về cội nguồn, về với cuộc sống an nhàn ẩn dật. Sự hành đạo không phải là mãi mãi, dù sự nghiệp thăng tiến, dù được nhà vua trọng dụng tin dùng đến mấy thì cái đích cuối cùng của nhà nho vẫn là về nơi sơn thủy. Cuộc đời Thái Thuận dù muôn màng công danh nhưng thời bấy giờ đã được xem là thành đạt. Có công danh, có bổng lộc, có một cuộc sống thoải mái sung túc hơn khi còn là anh lính dạy voi. Nhưng điều ông cần không phải chỉ là những vật chất, danh lợi. Đối với Thái Thuận, công danh giống như:

*Phù thế công danh nghĩ quốc hoài*

(Công danh phù thế như cây hờ trong đất nước con kiến)

*(Hạ nhật, dịch nghĩa Bùi Duy Tân, Đào Phương Bình)*

Công danh lợi lộc không có thật, tất cả chỉ là hư danh, chỉ là giấc mơ phú quý. Cuộc sống xa hoa ấy có thể kéo con người đến sự tha hóa và biến chất, đẩy họ vào những tình huống bất khả kháng, những hành động trái với lương tâm và lý tưởng. Con người không thể trường thọ mà hưởng giàu sang, vì vậy vật chất hay danh lợi cũng chỉ là hư ảo. Chính vòng xoáy danh lợi sẽ kìm họ trong những quy luật bất thành văn, buộc họ phải chọn lựa giữa lý tưởng và thực tế. Sự gò bó mà Thái Thuận cảm nhận nơi cung đình ví như chiếc lồng chim chật chội:

*Càn khôn phủ ngưỡng nhất lung cầm,*

*Mạc bả công danh dịch thử tâm*

(Cúi xuống ngẩng lên, đất trời như một cái lồng chim,

Chớ lấy công danh bắt cái tâm này phục dịch)

*(Cảm hứng, dịch nghĩa Bùi Duy Tân, Đào Phương Bình)*

Thái độ của thi nhân bộc lộ rất rõ, ông không muốn bị công danh níu giữ, đất trời đã là chiếc lồng vô hình nhốt con người vào vòng xoay trăm năm của đời người, con người vì vậy không nên chịu sự gò bó của công danh quyền vị. Chốn quan trường không phải là nơi có cuộc sống đáng mơ ước khi tâm luôn bị sự chi phối của quyền lực và lợi danh. Một con người thông đạt phải hiểu rõ rằng:

*Mộng lý doanh đầu tổng thị hư,*

*Lạc thiên tri mạnh cánh hà như.*

(Được thua trong giấc mộng, thảy là hư không,

Vui lẽ trời biết số mệnh, cuối cùng rồi thế nào?)

*(Đạt nhân, dịch nghĩa Bùi Duy Tân, Đào Phương Bình)*

Nếu thấu suốt được lẽ trời, lẽ người, biết số mệnh, từ đó chấp nhận và an vui, sống sao cho thoải mái. Tưởng chừng như với cái nhìn ấy, vị quan đã cáo lão hồi hương mà vui thú điền viên. Vậy mà càng suy nghĩ, càng nhìn rõ vấn đề, trong lòng Thái Thuận càng dưng dăng không dứt, bao niềm trăn trở vẫn còn quanh quẩn và đầy mâu thuẫn khiến ông đau đầu mãi. Đi không được, ở chẳng yên lòng, niềm mong ước trở về quê nhà làm tròn chữ hiếu và cũng là thỏa mãn được lý tưởng thanh bần của một nho gia luôn canh cánh khôn nguôi. Lương tâm của một vị quan có lòng trung nghĩa và nhân cách hiếu tiết thanh bần mâu thuẫn nhau làm rối lòng Thái Thuận. Ông muốn đi nhưng đi chẳng được, ông muốn ở mà cứ vấn vương. Không thể đi bởi thứ nhất là ơn vua chưa báo:

*Thiên địa quân ân tầm vị báo*

(Ốn vua trong trời đất này thẹn chưa đền đáp)

(*Hoãn nhĩ ngâm*, dịch nghĩa Bùi Duy Tân, Đào Phương Bình)

Thứ hai là chưa làm được gì cho đất nước và nhân dân, luôn canh cánh một nỗi lo đời - *Ưu dân diệc hữu Hy Văn niệm*.

Thứ ba phải làm sao để đời sống cha mẹ già đỡ vất vả hơn, không phải nhọc nhằn lo lắng chuyện áo cơm mưu sinh nặng nhọc. *Bất hiếu hữu tam*, trong đó *Gia bản thân lão bất vị lộc sỹ*, khiến thi nhân càng khó tách khỏi chốn quan trường. Nhà nghèo, cha mẹ cũng đã già, người con hiếu càng phải cố gắng lấy chút bổng lộc mà chăm lo cho cha mẹ. Tất cả những điều đó buộc Thái Thuận phải chọn lựa rất nhiều, niềm riêng cá nhân hay lợi ích dân tộc, công danh hay lý tưởng, chữ hiếu hay trung nghĩa. Thế nhưng không thể toàn vẹn trách nhiệm với nước với dân song song cùng trách nhiệm với cha mẹ và lý tưởng bản thân, Thái Thuận đành đặt nợ nước, nợ vua, nợ dân làm trọng. Niềm trăn trở và sầu muộn của ông vì thế cứ ẩn hiện theo những áng mây trôi hay những làn khói bếp bằng những lời thơ tha thiết. Sự giằng co giữa mơ ước cá nhân và lý tưởng cống hiến khiến thơ ông luôn ưu tư, trăn trở. Lời giải bày nỗi lòng của một người con hiếu kính thốt lên trong day dứt:

*Trung hiếu cổ lai nan lưỡng lập,*

*Thử hoài phân phó bỉ thương tri.*

(Xưa nay trung hiếu khó trọn vẹn cả hai,

Tấm lòng này nguyện có trời xanh chứng giám.)

(*Vong bạch vân*, dịch nghĩa Bùi Duy Tân, Đào Phương Bình)

Thái Thuận đã chọn quan lộ để trả hết nợ công danh, rời xa cố hương mà khắc khoải một niềm thương nhớ song thân vô cùng. Dù đã lựa chọn con đường quan lộ nhưng niềm day dứt trong ông vẫn không thể nguôi.

Những tâm sự cứ lặng lẽ xuất hiện trong thơ vừa như cười chợt lại vừa như rất sâu lắng càng làm đậm thêm nhân cách cao đẹp của một vị quan có trách nhiệm với dân với nước. Ông đã chấp nhận cuộc sống mà qua đó người đọc có cảm giác như cuộc sống ấy thật vô vị và cứ lặp đi lặp lại:

*Hiếu tùy Bắc khuyết chung câu khởi,*

*Mộ hậu Tây Hồ điều công quy.*

(Sớm theo tiếng chuông ở cửa Bắc đều thức dậy,

Chiều chờ con chim ở Hồ Tây cùng trở về.)

(*Toản viên tự thuật*, dịch nghĩa Bùi Duy Tân, Đào Phương Bình)

Cuộc sống chốn kinh kỳ đều đều, sáng sáng thức dậy theo tiếng chuông ở cửa cung đi hầu triều sớm, chiều lại trở về cùng lúc với cánh chim đã kiếm ăn mỏi. Khi về nhà thì:

*Ngô ái ngô lư tự ẩn luân*

(Ta yêu cái nhà của ta tựa như bạc ẩn sĩ)

(*Đề toản viên phường sở cư bích thượng*, dịch nghĩa Bùi Duy Tân, Đào Phương Bình)

Và:

*Ngọc đường triều thoái tọa cao thung*

(*Khi lui châu*, ngồi cho đến tối ở nhà ngọc)

(*Triều thoái*, dịch nghĩa Bùi Duy Tân, Đào Phương Bình)

Câu thơ vừa hóm hỉnh vừa pha chút niềm chán chường. Nơi kinh thành nhộn nhịp mà cuộc sống của vị quan nhân ấy chỉ từ nhà lên triều, từ triều về nhà. Không gian hạn hẹp chỉ một lộ trình không đổi. Tuy vậy ông vẫn cố gắng dung hòa hai con người (quan nhân và thi nhân) vào làm một. Ông không làm ẩn sĩ nơi đồng nội núi rừng thì cố tìm sự ẩn dật nơi nhà quan. Không có thiên nhiên thiên thanh bầu bạn thì tìm cái đẹp của bóng trăng nơi Tây Hồ. Niềm trăn trở của Thái Thuận

trút ra theo tiếng thở dài có chút gì đó ngao ngán:

Trăm phù ngã thị thân sinh giả

(Cõi đời chìm nổi, ta là kẻ tạm sống cho qua ngày)

(*Đề toàn viên phường sở cư bích thượng*, dịch nghĩa Bùi Duy Tân, Đào Phương Bình)

Ông ao ước cuộc đời *phù thế công danh tuyệt ý cầu của lão ngư*, mơ đến lúc *phận ngoại công danh phú thái hư* (thân phận ở ngoài công danh phó cho trời đất) như những người dân thường. Ấy vậy mà nào có thể vẹn toàn ước mơ an bần song song với nợ nước, những câu thơ cứ dằng đặc những nỗi niềm khó bày tỏ. Mặc dù không trực tiếp nói lên điều đó nhưng qua những câu thơ thấm đẫm tâm sự, người đọc phần nào cảm nhận được nhân cách đáng quý của Thái Thuận. Niềm suy tư trăn trở của ông là tâm tư của một vị quan tốt, một người con hiếu thảo và của một nhà nho có nhân cách.

Thơ Thái Thuận dường như xuất hiện rất nhiều tâm trạng đối lập nhau, khi thì tươi sáng rực rỡ với niềm yêu đời, lạc quan, lúc lại ưu tư trầm lắng một tâm trạng của con người đã trải qua những cay đắng của cuộc đời. Thi nhân luôn tiếc nhớ về một cuộc sống khác mà ông không chưa thể tìm về được, chính vì vậy ông luôn tìm niềm vui trong thiên nhiên và những cảnh vật thanh

binh. Nỗi buồn của thi nhân không cuồn cuộn, sục sôi mà cứ ngấm ngấm lẫn khuất trong những nỗi nhớ da diết, hoài cảm. Thơ Thái Thuận không buồn một nỗi buồn vu vơ mà xuất phát từ những trăn trở sâu sắc của một con người giàu lòng nhân, nặng lòng trung và đượm lòng hiếu.

Cái hay trong thơ Thái Thuận là vẻ đẹp đơn giản và chân thật bằng hình thức luật Đường trang nhã. Với thể thơ Đường luật chặt chẽ, nhiều quy tắc, Thái Thuận đã đưa vào thơ những hình ảnh rất bình dị đời thường, những khung cảnh thiên nhiên đẹp nhưng không hoa lệ khuôn sáo. Thơ ông chủ yếu viết ngợi ca cảnh đẹp non sông đất nước cùng cuộc sống thanh bình thịnh trị. Âm hưởng lạc quan gắn liền với tình cảm tự hào và tình yêu đất nước sâu sắc. Nhưng xen lẫn sự lạc quan ấy vẫn còn những trăn trở về sự sống, về những suy tư của chính ông trong cuộc đời làm quan và mơ ước về một đời sống thanh bần an nhàn nơi thôn dã. Lời thơ của Thái Thuận không ngùn ngụt cảm xúc cũng không nặng nề rên rỉ một nỗi buồn mà những câu thơ rất chừng mực vừa phải. Chỉ với non ba trăm bài thơ hiện còn cũng đủ để toát lên được tâm hồn của một thi sĩ vừa có tâm vừa có tài.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Đăng Điệp (giới thiệu và tuyển chọn) (2005), Trần Đình Sử tuyển tập, tập 1, *Những công trình Thi pháp học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 884tr.
2. Lê Giang (2001), *Ý thức văn học cổ trung đại Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Ngữ văn ĐH KHXH&NV Tp.HCM, Tp.HCM.
3. Tô Hoài (và nhiều người khác) (1998), *Tác gia văn học Thăng Long - Hà Nội: từ thế kỉ XI đến thế kỉ XX*, Hội Nhà văn Hà Nội, Hà Nội, 492tr.
4. Đinh Gia Khánh (chủ biên) - Bùi Duy Tân - Mai Cao Chương (1997), *Văn học Việt Nam (thế kỉ X - nửa đầu thế kỉ XVIII)*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 619tr.
5. Đinh Gia Khánh, Bùi Văn Nguyên, Nguyễn Ngọc San (biên soạn) (1976), *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam, tập 2: Văn học thế kỷ X - thế kỷ XVII*, in lần 2, có sửa chữa, bổ sung, Nxb Văn học, Hà Nội, 834tr.
6. Dương Quảng Hàm (2005), *Việt Nam thi văn hợp tuyển*, Nxb Trẻ, Tp.HCM, 381tr.
7. Trần Đình Hượu (1996), *Đến hiện đại từ truyền thống*, Nxb Văn hóa, Hà Nội, 309tr.
8. Trần Đình Hượu (1999), *Nho giáo và văn học Việt Nam Trung Cận đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 548tr.
9. Nguyễn Hữu Sơn (2010), "Thái Thuận - Từ miền quê Kinh Bắc đến với kinh thành", *Gương mặt văn học Thăng Long (Nguyễn Huệ Chi chủ biên)*, Nxb Hà Nội, Hà Nội, 838 tr.
10. Bùi Duy Tân - Đào Phương Bình (1978), *Sái Thuận nhà thơ lớn đất cổ Kinh Bắc*, Ty Văn hóa và Thông tin Hà Bắc, 238tr.
11. Bùi Duy Tân (1981), "Thái Thuận và tập thơ Lã Đường di cao", *Tạp chí Văn học*, số 191, tr.62-74.
12. Bùi Duy Tân (2001), *Khảo và luận một số thể loại - tác gia - tác phẩm văn học Trung đại Việt Nam*, tập 2, ĐHQG Hà Nội, 457tr.
13. Quách Tấn tuyển dịch (2001), *Lữ Đường thi tuyển dịch*, Nxb Văn học, Hà Nội, 214tr.
14. Trần Thị Băng Thanh (1999), "Hành trình nghiên cứu văn học thời Trung đại", *Tạp chí Văn học*, số 1, tr 31-36.
15. Nguyễn Hữu Thăng tuyển dịch (2011), *Thơ danh nhân Thái Thuận* (Tiến sĩ triều Lê), Nxb Văn học, 149tr.
16. Thái Thuận, *Lã Đường di cao thi tập*, bản chụp chữ Hán.
17. Lê Trí Viễn (2001), *Đặc trưng văn học trung đại Việt Nam*, Nxb Văn nghệ, Tp.HCM, 287tr.
18. Trần Ngọc Vương (1996), "Một số vấn đề lý luận khi nghiên cứu văn chương nho giáo ở Việt Nam", *Tạp chí Văn học*, số 298, tr 59-61.
19. Trần Ngọc Vương (chủ biên) (2007), *Văn học Việt Nam thế kỉ X-XIX những vấn đề lý luận và lịch sử*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 912tr.
20. Lê Thu Yến (biên soạn, tuyển chọn) (2002), *Văn học Việt Nam - Văn học Trung đại những công trình nghiên cứu*, Nxb Giáo dục, Tp.HCM, 387tr.